

Bản án số: 101/2023/HS-PT.
Ngày: 26/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2023/TLPT-HS ngày 28/8/2023 đối với các bị cáo **Trần Thanh P, Phạm Văn Đ** và Quách Văn O do có kháng cáo của các bị cáo **Trần Thanh P, Phạm Văn Đ** và Quách Văn O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Trần Thanh P**; Tên gọi khác: **T**; Sinh ngày: 25/02/1965; **N** sinh: **Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi cư trú: **Khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn H** và bà **Đặng Thị Đ1**; Có vợ là bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1982 và 02 người con, người con lớn sinh năm 2001, người con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án: Không; Có 01 tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 505/QĐ-XPHC ngày 18/3/2022 của Trưởng **Công an phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**, **Trần Thanh P** bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng (đã thi hành ngày 30/3/2022); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023 đến nay. (có mặt)

2. **Phạm Văn Đ**; Sinh ngày: 01/6/1989; Nơi sinh: **Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi cư trú: **Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Tài xế, nuôi tôm; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phạm Văn T2** và bà **Trần Hồng T3**; Có

vợ là bà **Trương Thị Diễm K**, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 02 người con, người con lớn sinh năm 2010, người con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2016/HS-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, **Phạm Văn Đ** bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (chấp hành xong bản án vào ngày 16/9/2016); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2023 đến nay. (có mặt)

3. Quách Văn O; Sinh ngày: 01/01/1950; Nơi sinh: **Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi cư trú: **Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Quách X** và bà **Trịnh Thị H1**; Có vợ là bà **Chiêm Thị E**, sinh năm 1960 và 02 người con, người con lớn sinh năm 1980, người con nhỏ sinh năm 1982; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 129/QĐ-XPHC ngày 30/12/2019 của Trưởng **Công an thị xã V**, tỉnh Sóc Trăng, Quách Văn O bị xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đã thi hành) và Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1036/QĐ-XPHC ngày 19/01/2021 của Trưởng **Công an thị xã V**, tỉnh Sóc Trăng, Quách Văn O bị xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (thi hành xong ngày 19/01/2021); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2023 đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Võ Văn N1**, **Ngô Thị H2**, **Nguyễn Văn C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 02 giờ ngày 04/11/2022, tại quán cà phê của bà **Ngô Thị H2** ở **khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**, **Công an phường K, thị xã V** bắt quả tang tụ điểm đánh bài ăn thua bằng tiền có bốn người tham gia gồm **Trần Thanh P**, Quách Văn O, **Võ Ngọc B** và **Phạm Văn Đ**. Lực lượng Công an thu giữ vật chứng tại hiện trường gồm: 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng; Tiền thu giữ trên bàn gỗ là 4.170.000 đồng; 310.000 đồng để trong lon inox gần bàn gỗ; **T4** trên người của Quách Văn O số tiền 3.515.000 đồng, **Võ Ngọc B** số tiền 9.140.000 đồng, **Trần Thanh P** số tiền 19.520.000 đồng và **Phạm Văn Đ** số tiền 4.000.000 đồng.

Qua công tác điều tra, đã xác định được như sau: Vào lúc khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/11/2022, **P**, O, **B** và **Đ** cùng uống cà phê tại quán của bà **Ngô Thị H2**. Lúc này, 04 người rủ nhau chơi bài binh xập xám ăn tiền mỗi chi thắng, thua 50.000 đồng. Sau khi thống nhất, **P** nhờ bà **H2** đi mua bộ bài tây để chơi và được bà **H2** đồng ý, trong lúc chơi bài cả 04 người thỏa thuận nếu ai tới trắng thì

bỏ vào cái lon inox có sẵn tại quán từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng để trả tiền mua bài, tiền thuốc hút và tiền nước uống khi kết thúc cuộc chơi. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 4.480.000 đồng, trong đó tiền đựng trong lon inox là 310.000 đồng và tiền dùng để đánh bạc trên bàn gỗ là 4.170.000 đồng (cụ thể, của Quách Văn Ổ là 100.000 đồng, **Trần Thanh P** là 100.000 đồng, **Phạm Văn Đ** là 400.000 đồng và **Võ Ngọc B** là 3.570.000 đồng). Ngoài ra, trong số tiền thu được trên người của **Trần Thanh P** là 19.520.000 đồng có 17.200.000 đồng là tiền cá giống của ông **Nguyễn Văn C**, còn lại 2.320.000 đồng là tiền Phong dùng để đánh bạc. Số tiền thu được trên người của Quách Văn Ổ là 3.515.000 đồng là tiền mang theo dùng để đánh bạc. Số tiền thu được trên người của **Phạm Văn Đ** là 4.000.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc. Riêng số tiền 9.140.000 đồng thu trên người của **Võ Ngọc B** không thừa nhận dùng vào đánh bạc; Số tiền **B** dùng vào đánh bạc 3.570.000 đồng để trên bàn gỗ đã bị thu chung tại chiếu bạc. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc gồm tiền thu tại chiếu bạc là 4.480.000 đồng, tiền trên người **Trần Thanh P** là 2.320.000 đồng, tiền trên người Quách Văn Ổ là 3.515.000 đồng và tiền trên người **Phạm Văn Đ** là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 14.315.000 đồng.

Đối với **Võ Ngọc B** đã bỏ trốn trước tổng đạt Cáo trạng nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã V đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý sau.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**), **Phạm Văn Đ** và Quách Văn Ổ phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Thanh P**.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phạm Văn Đ**.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Các điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Văn Ổ.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**) 04 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Quách Văn Ổ 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ** 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 01/8/2023, bị cáo Quách Văn Ổ kháng cáo xin hưởng án treo.

* Ngày 02/8/2023, các bị cáo **Trần Thanh P** và **Phạm Văn Đ** kháng cáo xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo **P**, **Đ** và O giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo **Trần Thanh P**, **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo **P** các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng đối với bị cáo **Đ** các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng đối với bị cáo O các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm o, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **P** mức án 04 tháng tù, xử phạt bị cáo **Đ** mức án 06 tháng tù và xử phạt bị cáo O mức án 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân, vai trò trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Bị cáo **P** có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc là người có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo **Đ** và bị cáo O mặc dù khi phạm tội được xem là không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo **Đ** đã từng bị kết án đã được xóa án tích và bị cáo O đã từng 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đồng thời, tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn diễn ra khá phức tạp nên việc cho các bị cáo hưởng án treo sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo **P**, **Đ** và O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo O lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/8/2023 và Đơn kháng cáo của các bị cáo **P** và **Đ** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm ngày 02/8/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo **P**, **Đ** và O theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo **Trần Thanh P**, **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O như sau: Vào lúc khoảng 02 giờ ngày 04/11/2022, tại quán cà phê của bà **Ngô Thị H2** ở **khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, Công an phường K, thị xã V** bắt quả tang **Trần Thanh P**, Quách Văn O, **Võ Ngọc B** và **Phạm Văn Đ** đánh bạc bằng hình thức bài binh xập xám ăn tiền mỗi chi thắng, thua 50.000 đồng. Cơ quan điều tra chứng minh được tổng số tiền dùng để đánh bạc là 14.315.000 đồng bao gồm tiền thu tại chiếu bạc là 4.480.000 đồng, tiền trên người **Trần Thanh P** là 2.320.000 đồng, tiền trên người Quách Văn O là 3.515.000 đồng và tiền trên người **Phạm Văn Đ** là 4.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo **Trần Thanh P**, **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Thanh P**, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo **P** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế và cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo **P** mức án 04 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hình sự nào mà đáng lẽ bị cáo được áp dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo **P** là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo **Đ** và O không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân, bị cáo **Đ** có 01 lần bị kết án đã được xóa án tích và bị cáo O có 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đã thi hành và đến khi phạm tội lần này được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm

xác định bị cáo O phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Đ và O thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo O là người trên 70 tuổi, dân tộc Hoa, có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế và cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Đ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng đối với bị cáo O các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm o, điểm s của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ mức án 06 tháng tù và căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo O mức án 03 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, đặc điểm nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hình sự nào mà đáng lẽ các bị cáo được áp dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Xét mặc dù các bị cáo Đ và O bị xử phạt tù không quá 03 năm, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, tình hình tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng, cụ thể là tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, đòi hỏi xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, nhất là đối với các bị cáo đã từng bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính nay lại thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, có như vậy mới đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nên việc cho các bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn Đ và Quách Văn O.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, Đ và O, về việc xin hưởng án treo, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo P, Đ và O của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo O là người cao tuổi và có

yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án phí cho bị cáo O.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**), **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O, về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**), **Phạm Văn Đ** và Quách Văn O của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**).

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**) 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phạm Văn Đ**.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm i, điểm o, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Văn O.

Xử phạt bị cáo Quách Văn O 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo **Trần Thanh P** (tên gọi khác: **T**) và **Phạm Văn Đ**, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Quách Văn O được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND TX. V (02);
- VKSND TX. V (01);
- CQĐT-Công an TX. V (01);
- CQTHAHS-Công an TX. V (01);
- Chi cục THADS TX. V (01);
- Bị cáo (03);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ